

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Phương.
- Ông Nguyễn Quang Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Oanh N, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Ấp AH2, xã TTA, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trương Văn S, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số X, Ấp Y, xã QMT, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Oanh N trình bày: Bà và ông Trương Văn S xác lập quan hệ hôn nhân năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 21/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây giữa

vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Văn S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thị Ngọc G sinh ngày 06/12/2011, hiện con đang ở cùng với ông S. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu G cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Về nghĩa vụ trả nợ: Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Trương Văn S vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lâm Thị Oanh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn S, bị đơn hiện đang cư trú tại xã QMT, huyện T, tỉnh Long An theo xác nhận ngày 13/3/2023 của Công an xã QMT, huyện T, tỉnh Long An. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có đơn ngày 15/3/2023 đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị Oanh N có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Trương Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Bà Lâm Thị Oanh N và ông Trương Văn S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 21/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông S được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà N trình bày giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông S từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng ông S đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N. Như vậy chứng tỏ ông S cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà N. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông S là có phát sinh trên thực tế, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lâm Thị Oanh N có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà Lâm Thị Oanh N và ông Trương Văn S có 01 con chung tên Trương Thị Ngọc G sinh ngày 06/12/2011 hiện đang sống với ông S. Bà N đồng ý giao cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Trương Thị Ngọc G sinh ngày 06/12/2011 cho ông Trương Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày trong quá trình chung sống bà và ông S không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung. Vì bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì về tài sản chung và nợ

chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Lâm Thị Oanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006449 ngày 15/3/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, bà Lâm Thị Oanh N còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 96, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Oanh N về việc “Ly hôn” đối với ông Trương Văn S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Oanh N được ly hôn với ông Trương Văn S.

- Về nuôi con chung: Ông Trương Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Ngọc G sinh ngày 06/12/2011. Bà Lâm Thị Oanh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Lâm Thị Oanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006449 ngày 15/3/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, bà Lâm Thị Oanh N còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CCTHADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (Để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Phương – Nguyễn Quang Phúc

Huỳnh Thị Hoàng Dung